

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUV

**DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 28/02/2021**

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
1	Nguyễn Thị Ngọc An	Nữ	14/09/2004	Nghệ An	5.7	6.0	947/QĐ77/2021	TH000943	
2	Nguyễn Hoàng Anh	Nam	30/12/2004	Nghệ An	6.0	6.0	948/QĐ77/2021	TH000944	
3	Lê Văn Ánh	Nam	15/02/2004	Nghệ An	6.3	6.5	949/QĐ77/2021	TH000945	
4	Nguyễn Hữu Bắc	Nam	22/08/2004	Nghệ An	5.7	5.0	950/QĐ77/2021	TH000997	
5	Trần Hữu Công	Nam	07/12/2004	Nghệ An	5.7	6.0	951/QĐ77/2021	TH000998	
6	Nguyễn Cao Cường	Nam	18/01/2004	Nghệ An	5.7	5.5	952/QĐ77/2021	TH000999	
7	Nguyễn Thị Linh Đan	Nữ	08/02/2004	Nghệ An	6.3	5.0	953/QĐ77/2021	TH001000	
8	Trần Văn Đạt	Nam	14/08/2004	Nghệ An	6.0	5.0	954/QĐ77/2021	TH001001	
9	Võ Văn Đạt	Nam	17/11/2004	Nghệ An	6.3	5.0	955/QĐ77/2021	TH001002	
10	Trần Hữu Đạt	Nam	10/10/2024	Nghệ An	5.7	5.0	956/QĐ77/2021	TH001003	
11	Hoàng Anh Đức	Nam	20/04/2004	Nghệ An	5.7	5.0	957/QĐ77/2021	TH001004	
12	Hồ Thọ Đức	Nam	29/07/2004	Nghệ An	6.3	5.0	958/QĐ77/2021	TH001005	
13	Trần Văn Đức	Nam	15/01/2004	Nghệ An	5.7	5.5	959/QĐ77/2021	TH001006	
14	Cao Phạm Anh Duy	Nam	16/03/2004	Nghệ An	5.7	5.0	960/QĐ77/2021	TH001007	
15	Nguyễn Đức Duy	Nam	09/06/2004	Nghệ An	6.3	6.5	961/QĐ77/2021	TH001008	
16	Phạm Văn Duy	Nam	16/03/2004	Nghệ An	6.3	6.0	962/QĐ77/2021	TH001009	
17	Võ Văn Giang	Nam	13/11/2004	Nghệ An	6.3	5.0	963/QĐ77/2021	TH001010	
18	Bạch Duy Hiếu	Nam	15/05/2004	Nghệ An	6.0	7.0	964/QĐ77/2021	TH001011	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
19	Nguyễn Sỹ Hiệu	Nam	10/02/2004	Nghệ An	5.7	6.5	965/QĐ77/2021	TH001012	
20	Nguyễn Kim Hòa	Nam	26/09/1992	Nghệ An	5.7	7.0	966/QĐ77/2021	TH001013	
21	Đậu Văn Huân	Nam	04/07/2004	Nghệ An	6.3	5.5	967/QĐ77/2021	TH001014	
22	Đặng Thị Huyền	Nữ	13/10/1984	Nghệ An	5.7	6.0	968/QĐ77/2021	TH001015	
23	Nguyễn Hữu Danh Lam	Nam	16/09/2004	Nghệ An	6.3	6.0	969/QĐ77/2021	TH001016	
24	Trần Văn Lâm	Nam	29/08/2003	Nghệ An	7.3	7.0	970/QĐ77/2021	TH001017	
25	Thái Thị Thu Lan	Nữ	14/10/2003	Nghệ An	6.0	6.5	971/QĐ77/2021	TH001018	
26	Nguyễn Thị Thúy Lành	Nữ	20/07/2004	Nghệ An	5.7	6.0	972/QĐ77/2021	TH001019	
27	Nguyễn Xuân Long	Nam	25/06/2004	Nghệ An	6.0	6.5	973/QĐ77/2021	TH000972	
28	Nguyễn Đình Mạnh	Nam	25/04/2004	Nghệ An	5.3	6.5	974/QĐ77/2021	TH000973	
29	Phan Viết Thành Nam	Nam	11/10/2004	Nghệ An	5.3	5.5	975/QĐ77/2021	TH000974	
30	Nguyễn Hoài Nam	Nam	03/12/2004	Nghệ An	6.0	6.0	976/QĐ77/2021	TH000975	
31	Nguyễn Thị Nhung	Nữ	19/10/2004	Nghệ An	5.7	6.0	977/QĐ77/2021	TH000976	
32	Đậu Thị Kiều Oanh	Nữ	20/09/2004	Nghệ An	5.3	7.0	978/QĐ77/2021	TH000977	
33	Nguyễn Tiến Phi	Nam	15/02/2004	Nghệ An	5.3	6.5	979/QĐ77/2021	TH000978	
34	Nguyễn Văn Phi	Nam	12/05/2004	Nghệ An	5.7	5.5	980/QĐ77/2021	TH000979	
35	Đinh Mạnh Quân	Nam	11/02/2003	Nghệ An	5.7	6.5	981/QĐ77/2021	TH000980	
36	Nguyễn Hào Quang	Nam	09/02/2004	Nghệ An	5.7	6.0	982/QĐ77/2021	TH000981	
37	Bùi Văn Sơn	Nam	18/07/2004	Nghệ An	5.7	6.5	983/QĐ77/2021	TH000982	
38	Phan Văn Thành	Nam	12/04/2004	Nghệ An	6.3	7.0	984/QĐ77/2021	TH000983	
39	Hoàng Thị Bích Thảo	Nữ	19/03/2004	Nghệ An	6.0	6.5	985/QĐ77/2021	TH000984	
40	Trần Thị Thủy	Nữ	07/12/2004	Nghệ An	5.3	5.5	986/QĐ77/2021	TH000985	
41	Lê Quang Triều	Nam	24/02/2004	Nghệ An	5.7	6.5	987/QĐ77/2021	TH000986	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
42	Lê Văn Trường	Nam	20/01/2004	Nghệ An	5.3	6.0	988/QĐ77/2021	TH000987	
43	Đoàn Xuân Trường	Nam	10/04/1991	Nghệ An	6.0	8.0	989/QĐ77/2021	TH000988	
44	Trần Huy Tú	Nam	06/06/2004	Nghệ An	5.7	5.5	990/QĐ77/2021	TH000989	
45	Lê Anh Tuấn	Nam	23/12/2004	Nghệ An	6.3	5.5	991/QĐ77/2021	TH000990	
46	Trần Anh Tuấn	Nam	02/05/2004	Nghệ An	5.7	6.0	992/QĐ77/2021	TH000991	
47	Dương Công Tuấn	Nam	16/11/2004	Nghệ An	6.0	5.0	993/QĐ77/2021	TH000992	
48	Nguyễn Viết Tuấn	Nam	15/10/2003	Nghệ An	6.0	7.0	994/QĐ77/2021	TH000993	
49	Nguyễn Thị Hồng Vi	Nữ	09/04/2004	Nghệ An	5.3	5.5	995/QĐ77/2021	TH000994	
50	Nguyễn Văn Việt	Nam	10/07/2004	Nghệ An	5.7	5.0	996/QĐ77/2021	TH000995	
51	Nguyễn Thành Vinh	Nam	20/05/2004	Nghệ An	5.7	7.5	997/QĐ77/2021	TH000996	

